

Bản án số: 03/2025/HS- PT  
Ngày: 09/01/ 2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Dương Văn Bản

*Các thẩm phán:* 1. Ông Hg Văn Giang

2. Ông Nguyễn Văn Quế

**- Thư ký phiên toà:** Bà Diệp Thu Trang, thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:**  
Bà Đình Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 130/2024/TLPT-HS ngày 01/11/2024 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn H, Phùng Văn D đối với bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

**\*Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Nguyễn Văn H, T1 gọi khác: Không; Sinh ngày: 18/9/1988; Nơi thường trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị D1; có vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

2. Họ và tên: Nguyễn Hữu T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/11/1989; Nơi thường trú: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị P, có vợ: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

3.Họ và tên: Phùng Văn D; tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 15/11/1985; Nơi thường trú: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Văn T3 và bà Nguyễn Thị T4; có vợ: Lê Thị Thanh L, sinh năm 1985; có 01 con sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2009/HSST ngày 14/9/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 23 tháng về tội Đánh bạc; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

\* Ngoài ra còn có người bị hại, người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu T và Phùng Văn D ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1, địa chỉ tại Khu Công nghiệp S, thuộc tổ dân phố T, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên do bà Mai Thị Kim L1 (sinh năm 1986, trú tại thôn L, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội) làm Giám đốc. Nhiệm vụ của H, T và D là lái xe vận chuyển hàng hóa của Công ty, có trách nhiệm bảo quản xe, sử dụng xe đúng mục đích. H bắt đầu làm việc tại công ty từ tháng 9/2021, được giao điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 20H-012.96; T làm việc từ tháng 08/2022, được giao điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 20H-005.96; D làm việc từ tháng 01/2023, được giao điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 20H-012.78.

Sau khi vào làm việc tại Công ty, H, T và D phát hiện thiết bị giám sát hành trình (GPS) lắp trên xe ô tô do mình quản lý không hoạt động nên đã nảy sinh ý định tua số kilomet di chuyển hàng ngày lên so với thực tế nhằm chiếm đoạt dầu máy để bán lấy tiền. Thực hiện ý định trên, H lên mạng Facebook tìm, đặt mua thiết bị tua số kilomet với giá 350.000đ bao gồm 01 đầu tẩu có vỏ bằng nhựa màu đen, trên tẩu có đầu dây cắm vào nguồn điện 24V trên xe ô tô, 01 đầu còn lại có 01 sợi dây dài khoảng 10cm, 02 mét dây điện đơn có lõi bằng kim loại màu vàng, vỏ dây màu xanh dài 01 đến 02 mét và 01 quyển sách hướng dẫn lắp đặt sử dụng. Sau khi mua thiết bị, H đầu nối vào hộp điện ở phía trước ghế phụ, có công tắc nhựa gắn với thiết bị tua số kilomet để trên khoang cabin của xe biển kiểm soát 20H-012.96 mà H được giao quản lý. Sau khi lắp xong, H bật thử thiết bị thì thấy tua được số kilomet nhưng H chưa sử dụng ngay mà cất thiết bị này trên xe. Còn T và D khi được Công ty giao xe và quá trình lái xe thì phát hiện trên xe ô tô tải của mình được giao quản lý có thiết bị tua số kilomet tương tự như của H, nhưng không biết ai lắp, lắp vào thời gian nào, kiểm tra thấy còn

hoạt động nên nảy sinh ý định tua số kilomet để chiếm đoạt dầu máy để bán lấy tiền.

Đến tháng 4/2023, Công ty TNHH P1 cho Công ty TNHH P1, địa chỉ tại thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc do ông Yang Ke Q (quốc tịch Trung Quốc là giám đốc) thuê 03 chiếc xe ô tô tải nêu trên cùng các lái xe là H, T và D. Trong thời gian thuê xe, Công ty P1 có trách nhiệm quản lý, sử dụng và trả lương cho lái xe. Để thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa, đổ dầu cho các xe ô tô tải đã thuê, Công ty TNHH P1 đã ký hợp đồng mua bán xăng dầu với Công ty X và cho phép lái xe tự tính toán số lượng dầu phù hợp với quãng đường di chuyển rồi mang xe đến Cửa hàng X1, địa chỉ tại tổ dân phố C, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên đổ dầu trước khi vận chuyển hàng hóa cho công ty, ký vào sổ theo dõi đổ dầu. Sau đó, Công ty sẽ thanh toán tiền với Công ty X.

H, T và D được Công ty TNHH P1, cấp cho mỗi người 01 quyển sổ theo dõi lái xe. Hàng ngày, phải viết số kilomet bắt đầu, số kilomet kết thúc, tổng số kilomet từ công ty đến địa chỉ khách hàng, số kilomet một lượt đi, số lít dầu đã đổ, tiền dầu và chi phí phụ. Khoảng tháng 8/2023, Công ty P1 sửa chữa, khôi phục hoạt động của thiết bị giám sát hành trình GPS được lắp đặt trên 03 xe ô tô tải do H, T và D điều khiển nhưng H, T và D không biết, vào thời điểm này thì H, T và D bắt đầu tua số kilomet để lấy dầu. Hàng ngày, công ty sẽ gửi lịch giao hàng (có thể vào chiều ngày hôm trước hoặc sáng ngày hôm sau). Sau khi nhận được lịch giao hàng và lịch phân công lái xe, H, T và D sẽ đến địa điểm nhận hàng và chụp ảnh số kilomet hiển thị trên đồng hồ công tơ mét và gửi lên nhóm Z để báo cáo. Sau khi đến địa điểm giao hàng, H, T, D bật thiết bị tua số kilomet lên để tăng chiều dài quãng đường từ công ty đến địa điểm giao hàng và chụp ảnh, ghi lại số kilomet đã tua trên đồng hồ để báo cáo, dựa trên số kilomet đã tua, các bị cáo tính toán quãng đường nhân với số lít dầu tiêu thụ để rút ra bán, mỗi lần rút dầu cách nhau khoảng từ 3 đến 5 ngày/lần và mỗi lần rút dầu khoảng từ 130 lít đến 210 lít dầu, sau đó H, T, D đã bán số dầu chiếm đoạt được cho các điểm mua bán dầu ở trên các tuyến đường di chuyển, H, T, D không biết tên, tuổi, địa chỉ của người mua dầu.

Với cách thức như trên, từ ngày 19/8/2023 đến 31/10/2023, H chiếm đoạt được 5517,68 lít dầu, T chiếm đoạt được 5438,61 lít dầu; Từ 22/8/2023 - 31/10/2023, D chiếm đoạt được 3703,61 lít dầu. Đến đầu tháng 11/2023, Công ty P1 phát hiện bị thất thoát dầu nên đã trình báo đến Cơ quan điều tra Công an thành phố S để giải quyết. Lúc này, do sợ bị phát hiện nên H, T và D xin nghỉ việc, trước khi nghỉ việc, H, T và D tháo thiết bị tua số kilomet lắp đặt trên xe của mình rồi mang vứt trên đường đi, đến nay không tìm thấy được.

Ngày 18/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã trưng cầu phòng K Công an thành phố H giám định kỹ thuật số trích xuất dữ liệu hành trình xe trong khoảng thời gian từ ngày 19/8/2023 đến 31/10/2023 đối với 03 thiết bị giám sát hành trình gắn trên xe ô tô biển kiểm soát 20H – 00596, 20H – 01278, 20H - 01296 do H, T và D quản lý, sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 2535/KL – KTHS ngày 10/4/2024 của phòng K Công an thành phố H kết luận:

Không tìm thấy dữ liệu hành trình của các thiết bị gửi giám định (ký hiệu A1 đến A3) trong khoảng thời gian từ ngày 19/8/2023 đến 31/10/2023. Trích xuất được dữ liệu hành trình của các xe ô tô có biển số 20H – 00596, 20H – 01278; 20H – 01296 trong khoảng thời gian từ các ngày 19/8/2023 đến 31/10/2023 từ trung tâm L2 (theo địa chỉ: <http://dientutct.com> tài khoản đăng nhập hoachatquangminh, mật khẩu 12341234). )

Ngày 16/02/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố S trung cầu giám định giá trị tài sản bị thiệt hại là Dầu DO 0.05s – II (dùng cho động cơ Diezen) đối với 03 xe ô tô BKS 20H – 012.96; 20H 005.96; 20H - 012.78 trong khoảng thời gian từ ngày 19/8/2023 đến 31/10/2023.

Tại bản kết luận giám định số 09/KL - HĐĐGTS ngày 20/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố S, kết luận:

| STT      | Tên tài sản cần định giá                                          | Thời điểm định giá | Đơn giá/ lít dầu | Tổng cộng          |
|----------|-------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|--------------------|
| <b>I</b> | <b>Đối với xe ô tô BKS: 20H-012.96 do Nguyễn Văn H điều khiển</b> |                    |                  | <b>125.835.430</b> |
|          | 160,76 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 19/8-21/8/23       | 22,420           | 3,604,239          |
|          | 168,83 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 21/8-22/8/23       | 22,420           | 3,785,169          |
|          | 183,86 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 23/8-25/8/23       | 22,350           | 4,109,271          |
|          | 120,03 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 26/8-28/8/23       | 22,350           | 2,682,671          |
|          | 231,44 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 28/8-30/8/23       | 22,350           | 5,172,684          |
|          | 126,77 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 31/8/2023          | 22,350           | 2,833,310          |
|          | 161,87 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 01/9-06/9/23       | 22,350           | 3,617,795          |
|          | 168,96 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 07/9-08/9/23       | 22,640           | 3,825,254          |
|          | 237,77 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 08/9-11/9/23       | 22,640           | 5,383,113          |

|  |                                                          |                |        |           |
|--|----------------------------------------------------------|----------------|--------|-----------|
|  | 174,63 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 11/9-12/9/23   | 22,640 | 3,953,623 |
|  | 210,25 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 12/9-13/9/23   | 23,050 | 4,846,263 |
|  | 119,84 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 15/9-16/9/23   | 23,050 | 2,762,312 |
|  | 216,78 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 16/9-18/9/23   | 23,050 | 4,996,779 |
|  | 174,69 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 19/9-20/9/23   | 23,050 | 4,026,605 |
|  | 218,87 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 20/9-25/9/23   | 23,050 | 5,044,954 |
|  | 157,31 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 26/9-27/9/23   | 23,590 | 3,710,943 |
|  | 297,53 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 28/9/2023      | 23,590 | 7,018,733 |
|  | 34,08 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 30/9/2023      | 23,590 | 803,947   |
|  | 122,59 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 02/10-04/10/23 | 23,590 | 2,891,898 |
|  | 172,09 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 05/10/2023     | 23,590 | 4,059,603 |
|  | 222,37 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 06/10-08/10/23 | 23,590 | 5,245,708 |
|  | 220,29 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 08/10-09/10/23 | 23,590 | 5,196,641 |
|  | 193,62 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 14/10-16/10/23 | 22,410 | 4,339,024 |
|  | 185,21 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 16/10-17/10/23 | 22,410 | 4,150,556 |
|  | 149,19 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 17/10-18/10/23 | 22,410 | 3,343,348 |
|  | 153,15 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 18/10-21/10/23 | 22,410 | 3,432,092 |
|  | 252,24 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 21/10-23/10/23 | 22,410 | 5,652,698 |

|           |                                                                   |                |        |                    |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|----------------|--------|--------------------|
|           | 159,57 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 24/10-26/10/23 | 22,480 | 3,587,134          |
|           | 135,21 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 26/10-27/10/23 | 22,480 | 3,039,521          |
|           | 203,19 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 27/10-30/10/23 | 22,480 | 4,567,711          |
|           | 184,69 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 30/10-31/10/23 | 22,480 | 4,151,831          |
| <b>II</b> | <b>Đối với xe ô tô BKS: 20H-005.96 do Nguyễn Hữu T điều khiển</b> |                |        | <b>120.766.322</b> |
|           | 222,74 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 19/8-22/8/23   | 22,420 | 4,993,831          |
|           | 135,30 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 22/8/23        | 22,350 | 3,023,955          |
|           | 58,80 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)           | 23/8-25/8/23   | 22,350 | 1,314,180          |
|           | 96,59 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)           | 26/8-27/8/23   | 22,350 | 2,158,787          |
|           | 167,65 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 28/8/23        | 22,350 | 3,746,978          |
|           | 47,13 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)           | 29/8-30/8/23   | 22,350 | 1,053,356          |
|           | 49,81 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)           | 31/8/23        | 22,350 | 1,113,254          |
|           | 111,54 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 01/9-06/9/23   | 22,350 | 2,492,919          |
|           | 288,95 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 07/9-08/9/23   | 22,640 | 6,541,828          |
|           | 140,48 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 09/9-11/9/23   | 22,640 | 3,180,467          |
|           | 23,49 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)           | 11/9-13/9/23   | 22,640 | 531,814            |
|           | 340,65 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 13/9-14/9/23   | 23,050 | 7,851,983          |
|           | 282,86 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)          | 15/9/23        | 23,050 | 6,519,923          |

|            |                                                                     |                |        |                   |
|------------|---------------------------------------------------------------------|----------------|--------|-------------------|
|            | 61,72 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)             | 16/9-21/9/23   | 23,050 | 1,422,646         |
|            | 157,65 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 21/9-23/9/23   | 23,050 | 3,633,833         |
|            | 146,44 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 23/9-25/9/23   | 23,590 | 3,454,520         |
|            | 148,25 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 26/9-29/9/23   | 23,590 | 3,497,218         |
|            | 282,91 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 30/9-02/10/23  | 23,590 | 6,673,847         |
|            | 280,36 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 03/10-04/10/23 | 23,590 | 6,613,692         |
|            | 61,91 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)             | 05/10-06/10/23 | 23,590 | 1,460,457         |
|            | 135,75 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 07/10-10/10/23 | 23,590 | 3,202,343         |
|            | 193,31 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 10/10-12/10/23 | 23,590 | 4,560,183         |
|            | 265,65 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 14/10-17/10/23 | 22,410 | 5,953,217         |
|            | 351,22 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 17/10-19/10/23 | 22,410 | 7,870,840         |
|            | 335,80 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 21/10/23       | 22,410 | 7,525,278         |
|            | 115,15 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 24/10-25/10/23 | 22,480 | 2,588,572         |
|            | 250,04 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 25/10-27/10/23 | 22,480 | 5,620,899         |
|            | 120,76 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 27/10/23       | 22,480 | 2,714,685         |
|            | 196,65 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 28/10-29/10/23 | 22,480 | 4,420,692         |
|            | 223,76 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)            | 30/10-31/10/23 | 22,480 | 5,030,125         |
| <b>III</b> | <b>Đối với xe ô tô BKS: 20H-012.78 do Phùng Văn Dũng điều khiển</b> |                |        | <b>85.950.643</b> |

|  |                                                          |              |        |           |
|--|----------------------------------------------------------|--------------|--------|-----------|
|  | 175,25 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 22/8-25/8/23 | 22,350 | 3,916,838 |
|  | 91,61 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 26/8-28/8/23 | 22,350 | 2,047,484 |
|  | 77,56 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 28/8-31/8/23 | 22,350 | 1,733,466 |
|  | 155,40 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 31/8/23      | 22,350 | 3,473,190 |
|  | 141,34 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 01/9-04/9/23 | 22,350 | 3,158,949 |
|  | 35,50 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 05/9-06/9/23 | 22,350 | 793,425   |
|  | 139,47 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 06/9-07/9/23 | 22,640 | 3,157,601 |
|  | 12,11 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 07/9-08/9/23 | 22,640 | 274,170   |
|  | 113,37 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 08/9-11/9/23 | 22,640 | 2,566,697 |
|  | 107,74 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 11/9-12/9/23 | 22,640 | 2,439,234 |
|  | 107,24 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 12/9-13/9/23 | 23,050 | 2,471,882 |
|  | 138,16 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 14/9/23      | 23,050 | 3,184,588 |
|  | 70,25 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 15/9/23      | 23,050 | 1,619,263 |
|  | 91,97 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 16/9-18/9/23 | 23,050 | 2,119,909 |
|  | 200,75 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 19/9-20/9/23 | 23,050 | 4,627,288 |
|  | 0,11 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)   | 21/9/23      | 23,050 | 2,536     |
|  | 139,83 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 22/9-23/9/23 | 23,590 | 3,298,590 |
|  | 134,82 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 25/9-26/9/23 | 23,590 | 3,180,404 |

|                                                          |                |        |           |
|----------------------------------------------------------|----------------|--------|-----------|
| 94,48 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 30/9/23        | 23,590 | 2,228,783 |
| 180,20 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 30/9/23        | 23,590 | 4,250,918 |
| 50,52 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 03/10/2023     | 23,590 | 1,191,767 |
| 106,13 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 04/10/2023     | 23,590 | 2,503,607 |
| 65,60 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 05/10-06/10/23 | 23,590 | 1,547,504 |
| 70,75 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 06/10-07/10/23 | 23,590 | 1,668,993 |
| 120,58 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 07/10-08/10/23 | 23,590 | 2,844,482 |
| 76,24 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 09/10-12/10/23 | 23,590 | 1,798,502 |
| 166,74 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 12/10-13/10/23 | 22,410 | 3,736,643 |
| 27,95 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 13/10-18/10/23 | 22,410 | 626,360   |
| 122,74 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 18/10-19/10/23 | 22,410 | 2,750,603 |
| 81,26 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 19/10-23/10/23 | 22,410 | 1,821,037 |
| 198,39 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 24/10-25/10/23 | 22,480 | 4,459,807 |
| 125,74 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 26/10-26/10/23 | 22,480 | 2,826,635 |
| 18,51 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 27/10-27/10/23 | 22,480 | 416,105   |
| 116,49 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 28/10-30/10/23 | 22,480 | 2,618,695 |
| 72,27 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel)  | 30/10-31/10/23 | 22,480 | 1,624,630 |
| 132,12 lít dầu DO 0,05S-II (dầu dùng cho động cơ Diesel) | 31/10-31/10/23 | 22,480 | 2,970,058 |

|                  |                    |
|------------------|--------------------|
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>332,552,395</b> |
|------------------|--------------------|

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu T và Phùng Văn D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của đại diện bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án và các đồ vật, tài liệu liên quan: 01 bì niêm phong ký hiệu H1 bên trong chứa 01 đoạn dây điện màu xanh, bên ngoài quấn băng dính màu đen gắn 01 công tắc bật tắt bằng nhựa màu trắng thu trên xe ô tô 20H-012.96 do H điều khiển và 01 bì niêm phong ký hiệu T1 bên trong chứa 01 đoạn dây điện màu đỏ, bên ngoài quấn băng dính màu đen gắn 01 công tắc bật tắt bằng nhựa màu trắng thu trên xe ô tô 20H-005.96 do T điều khiển hiện đang được bảo quản theo quy định.

Đối với chiếc USB màu đen, nhãn hiệu HOCO có file dữ liệu hành trình được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 03 thiết bị giám sát hành trình lắp trên các xe ô tô tải BKS 20H - 005.96; 20H – 012.96 và 20H – 012.78, ngày 17/7/2024, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã trả lại cho Công ty P1 quản lý sử dụng.

**Về trách nhiệm dân sự:** Ngày 27/12/2023, chị Lê Thị Thanh L là vợ bị cáo Phùng Văn D đã bồi thường cho Công ty TNHH P1 số tiền 84.660.193 đồng (chị L khai nguồn tiền của vợ chồng bị cáo); anh Nguyễn Việt B1 là anh trai bị cáo Nguyễn Văn H đã bồi thường số tiền 125.863.766 đồng (anh B1 khai nguồn tiền là của vợ chồng bị cáo H); chị Nguyễn Thị T2 là vợ bị cáo Nguyễn Hữu T đã bồi thường 120.761.457 đồng (chị T2 khai nguồn tiền của vợ chồng bị cáo).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu T, Phùng Văn D phạm tội “Tham ô tài sản”.

#### **Về hình phạt:**

- Đối với Nguyễn Văn H: áp dụng điểm c, d khoản 2; khoản 6 Điều 353; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án này.

- Đối với Nguyễn Hữu T: áp dụng điểm c, d khoản 2; khoản 6 Điều 353; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án này.

- Đối với Phùng Văn D: áp dụng điểm c khoản 2; khoản 6 Điều 353; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo

04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án này.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngày 08/10/2024 bị cáo Phùng Văn D kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương; ngày 09/10/2024 bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, xem xét toàn diện nội dung kháng cáo, tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Áp dụng: Điểm b khoản 1, Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa bản án sơ thẩm số 80/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên theo hướng giảm một phần hình phạt cho cả 03 bị cáo.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu T, Phùng Văn D đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo với tội danh điều luật trên có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo Phùng Văn D xuất trình xác nhận của Hiệu trưởng trường tiểu học xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai về việc bị cáo cùng gia đình trao tặng nhu yếu phẩm cho các em học sinh đồng thời nộp Huy chương kháng chiến hạng ba của ông Phùng Văn T3 là bố đẻ của bị cáo; Huy chương kháng chiến hạng nhất của ông Phùng Văn T5 là ông nội của bị cáo; Bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu T được UBND xã nơi các bị cáo cư trú có văn bản xác nhận đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo H cứu giúp người bị nạn đưa đi cấp cứu, gia đình luôn chấp hành tốt chủ trương của đảng hiến đất làm đường, bị cáo T có bố là ông Nguyễn Hữu N là người tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc bản thân bị cáo T

tham gia cứu giúp người dân sinh sống tại ven sông C khi cơn bão số 3 đổ bộ, nên cả 03 bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo như quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đã đề nghị để các bị cáo có động lực tu dưỡng bản thân thể hiện tính nhân văn, nhân đạo và chính sách khoan hồng của đảng và pháp luật nhà nước.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn H đã nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Hữu T, Phùng Văn D sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên về phần hình phạt:

1. Áp dụng điểm c, d khoản 2; khoản 6 Điều 353; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

2. Áp dụng điểm c, d khoản 2; khoản 6 Điều 353; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 04 (Bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

3. Áp dụng điểm c khoản 2; khoản 6 Điều 353; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phùng Văn D: 03 (Ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Hữu T đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ theo biên lai thu tiền số 0001203 ngày 27/12/2024 của Chi cục THADS thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ theo biên lai thu tiền số 0001204 ngày 27/12/2024 của Chi cục THADS thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

**4.** Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Thành phố Sông Công;
- TAND Thành phố Sông Công;
- Công an Thành phố Sông Công;
- THADS Thành phố Sông Công;
- Bị cáo; người TGTT;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**DƯƠNG VĂN BẢN**